TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HOÀI NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 12/2021/HS-ST Ngày 12 - 01 - 2021	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Bích
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Hữu Tố.
Bà Trương Thị Diện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/HSST-QĐ ngày 18 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Võ Thanh S (tên gọi khác: N), sinh ngày 16 tháng 7 năm 1981 tại Bình Định; nơi cư trú: Tổ 30, khu vực 5, phường Nguyễn Văn C, thành phố Q, tỉnh B; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn C (chết) và bà Đặng Thị T (sinh năm 1953); vợ: Hồ Thị Thu H (sinh năm 1993) và có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 27/6/2008, bị Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt 08 năm tù về tội "Giết người", ngày 30/8/2010 chấp hành xong hình phạt, án tích đã được xóa theo Giấy chứng nhận xóa án tích ngày 08/7/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh B; bị cáo đang được tại ngoại, có mặt.

2. Bị cáo Lê Thanh H (tên gọi khác: R), sinh ngày 01 tháng 8 năm 1987 tại G; nơi cư trú: Tổ 39, khu vực 6, phường Lê Hồng Phg, thành phố Q, tỉnh B; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn M (chết) và bà

Trần Thị T (sinh năm 1951); vợ: Nguyễn Thị Trúc L (sinh năm 1989) và có 04 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 21/9/2007, bị Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt 36 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng", ngày 24/9/2007 bị Tòa án nhân dân thành phố Q xử phạt 24 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích", ngày 01/9/2009 chấp hành xong hình phạt, án tích đã được xóa; bị cáo đang được tại ngoại, có mặt.

3. Bị cáo Trần Văn C (tên gọi khác: Bao C), sinh ngày 10 tháng 12 năm 1990 tại B; nơi cư trú: Tổ 53, khu vực 6, phường Q Tr, thành phố Q, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Th (sinh năm 1970) và bà Nguyễn Thị M (1971); vợ: Nguyễn Thị Thanh Th (sinh năm 1998) và có 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 26/11/2008, bị Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", ngày 23/11/2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt 04 năm 09 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích", đã chấp hành xong hình phạt, án tích đã được xóa; bị cáo đang được tại ngoại, có mặt.

4. Bị cáo Lê Phước H (tên gọi khác: B), sinh ngày 04 tháng 3 năm 1985 tại B; nơi cư trú: Số nhà 101B đường Hai Bà Trưng, phường L, thành phố Q, tỉnh B; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hồng T (chết) và bà Phạm Thị L (sinh năm 1965); vợ: Bùi Thị Mỹ Ph (sinh năm 1987) và có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 27/11/2012, bị Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Cố ý gây thương tích", đã chấp hành xong hình phạt ngày 21/11/2014, án tích đã được xóa; bị cáo đang được tại ngoại, có mặt.

5. Bị cáo Bành Công H, sinh ngày 21 tháng 10 năm 1985, tại H; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ 24, khu vực 5, phường C, thành phố Q, tỉnh B; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bành Văn Ch (sinh năm 1949) và bà Phạm Thị L (sinh năm 1954); vợ: Hồ Thị Ngọc D (sinh năm 1991) và có 01 con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang tại ngoại, có mặt.

* *Người bị hại:* Anh Nguyễn Vinh Q, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 13, khu vực 3, phường Đ, thành phố Q, tỉnh B, vắng mặt (anh Q có đơn xin xét xử vắng mặt).

* *Người làm chứng:*

- Anh Đặng Văn N, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn An H, xã Mỹ Ch, huyện P, tỉnh B, vắng mặt.

- Anh Triệu Văn Q, sinh năm 2000; địa chỉ: Xã K, huyện Kb, tỉnh G, vắng mặt.

- Chị Trần Tuyết V, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 13, khu vực 3, phường Đ, thành phố Q, tỉnh B, vắng mặt.

** Người được Tòa án triệu tập:* Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1987; địa chỉ: Khu phố P, phường B, thị xã H, tỉnh B, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung của vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 15/01/2020, Võ Thanh S rủ Lê Thanh H, Trần Văn C, Lê Phước H và Bành Công H đến thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định để tìm gặp Nguyễn Vinh Q đòi tiền Q nợ cho S thì cả nhóm đồng ý. S điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 77A-148.93 chở cả nhóm từ thành phố Q đến tiệm sửa xe N ở khu phố 3, phường T, thị xã H để tìm Q nhưng không gặp, cả nhóm đến quán H ở phường T uống cà phê. Khoảng 20 phút sau, cả nhóm quay lại tiệm sửa xe N thì gặp Q. Lúc này, H ngồi trên xe quay video; S, Thanh H, C và Phước H đi vào trong tiệm. Tại đây, S yêu cầu Q trả nợ, Q hẹn từ từ trả nhưng S không đồng ý và yêu cầu Q lên xe đến quán cà phê viết giấy nợ cho S; Q xin ngồi tại tiệm hoặc qua quán gần tiệm viết giấy nợ nhưng S không đồng ý và tiếp tục yêu cầu Q lên xe đi cùng nhóm S. Vì lo sợ nên Q lên xe theo nhóm của S.

Khi lên xe đi được khoảng 05 phút, Q liên tục gọi điện thoại, Lê Thanh H dùng tay đấm nhiều cái vào mặt Q và nói với S đưa Q về thành phố Quy Nhơn để gia đình Q trả nợ thay. S đồng ý và điều khiển xe theo đường ĐT639 về hướng Q; đồng thời, yêu cầu Q mượn tiền trả cho S. Lúc này, do bị nhóm S giữ trên xe, bị Lê Thanh H đánh và sợ về Q sẽ bị các chủ nợ khác phát hiện, nên Q gọi điện thoại cho vợ là Trần Tuyết V chuẩn bị tiền và gọi điện thoại cho nhiều người khác để mượn tiền trả cho S. Q gọi cho Nguyễn Hữu T mượn được 5.000.000 đồng, nhờ T gửi cho xe khách H mang vào cho S theo yêu cầu của S. Nhóm của S chở Q vào một quán cơm ở xã C, huyện P, tỉnh B ăn cơm và giữ Q tại đây khoảng 01 giờ rồi tiếp tục chở Q về thành phố Q. Khi đến quán nước đối diện Cây xăng H 1 thuộc xã C, huyện P thì S dừng xe vào quán uống nước và giữ Q tại đây chờ vợ Q mượn tiền trả cho S. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, Q nói với S vợ Q chỉ mượn được 5.000.000 đồng thì S đồng ý nhận số tiền trên và chở Q về thành phố Q để lấy tiền. Khi đến thị xã A, tỉnh B, S đón xe H nhận 5.000.000 đồng và tiếp tục chở Q về Q. Trên đường đi, Q và S thống nhất đến bãi đất trống đối diện Nhà hàng R thuộc phường Đ, thành phố Q để gặp vợ Q lấy tiền. Khi đến cầu Lê Thanh Nghị thuộc thành phố Q thì C xuống xe đi về trước; S, Thanh H, Phước H và H tiếp tục giữ Q trên ô tô chở đến địa điểm đã thống nhất để đợi V mang tiền đến. Trong khoảng thời gian này, vì nghe Q bị nhóm S bắt giữ nên Trần Tuyết V đến Công an thành phố Q trình báo

sự việc. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, khi cả nhóm đang chờ V mang tiền đến, thì bị Công an thành phố Q đưa về trụ sở làm việc.

Ngày 17/3/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Hoài Nhơn quyết định trưng cầu giám định tỷ lệ thương tích của Nguyễn Vinh Q nhưng Nguyễn Vinh Q tự nguyện từ chối giám định và không yêu cầu khởi tố vụ án.

Bản cáo trạng số: 53/CT-VKSHN ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định đã truy tố các bị cáo Võ Thanh S, Lê Thanh H, Trần Văn C, Lê Phước H và Bành Công H về các tội "Giữ người trái pháp luật" theo quy định tại khoản 1 Điều 157 và "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định như Cáo trạng đã truy tố, đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 170, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 15, Điều 57, Điều 54, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Thanh S từ 09 đến 12 tháng tù, xử phạt bị cáo Lê Thanh H từ 06 đến 09 tháng tù, xử phạt bị cáo Trần Văn C từ 06 đến 09 tháng tù, xử phạt bị cáo Lê Phước H từ 06 đến 09 tháng tù và xử phạt bị cáo Bành Công H từ 03 đến 06 tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản";

- Áp dụng khoản 1 Điều 157, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Thanh S từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, xử phạt bị cáo Lê Thanh H từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ, xử phạt bị cáo Trần Văn C từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ, xử phạt bị cáo Lê Phước H từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ và xử phạt bị cáo Bành Công H từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Giữ người trái pháp luật".

- Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo rất hối hận và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Võ Thanh S, Lê Thanh H, Trần Văn C, Lê Phước H và Bành Công H khai nhận như sau: Xuất phát từ nguyên nhân anh Nguyễn Vinh Q mượn tiền của bị cáo S không trả, vào ngày 15/01/2020, các bị cáo Võ Thanh S, Lê Thanh H, Trần Văn C, Lê Phước H và Bành Công H cùng

nhau giữ và chở anh Nguyễn Vinh Q từ phường T, thị xã H đến thành phố Q, tỉnh B và cưỡng đoạt của anh Q 10.000.000 đồng.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với Bản cáo trạng, với lời khai của bị hại, người làm chứng và với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận: Các bị cáo cùng nhau chở anh Q rời khỏi nơi cư trú trái với ý muốn của anh Q và thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản của anh Q; hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trái phép đến quyền tự do cá nhân và quyền sở hữu tài sản của người khác. Hành vi của các bị cáo Võ Thanh S, Lê Thanh H, Trần Văn C, Lê Phước H và Bành Công H đã phạm vào tội "Giữ người trái pháp luật" được quy định tại khoản 1 Điều 157 và tội "Cưỡng đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

[2] Các bị cáo đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trái phép đến quyền tự do thân thể và quyền sở hữu tài sản của người khác. Hành vi của các bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Cần phải xử lý các bị để giáo dục, răn đe các bị cáo thành người có ích cho xã hội và góp phần phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Vụ án này có nhiều đồng phạm tham gia nhưng không có sự bàn bạc, phân công vai trò của từng bị cáo nên đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, cần phải phân tích rõ vai trò của từng bị cáo để quyết định hình phạt tương xứng.

Đối với bị cáo Võ Thanh S: Bị cáo S trực tiếp khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác thực hiện hành vi giữ anh Q và trực tiếp yêu cầu anh Q gọi điện thoại cho người thân mượn tiền trả cho bị cáo S, vai trò của bị cáo S vừa là người chủ mưu, vừa là người thực hành.

Đối với bị cáo Lê Thanh H, bị cáo H cùng bị cáo S gây sức ép để anh Q lên xe để chở đi, đồng thời, bị cáo Hoài dùng vũ lực đối với anh Q, vai trò của bị cáo Lê Thanh H vừa là người thực hành, vừa là người giúp sức.

Đối với bị cáo Lê Phước H, Trần Văn C và Bành Công H, các bị cáo đồng ý đi theo bị cáo S giữ anh Q trái với ý muốn của anh Q đồng thời thống nhất ý chí ép buộc anh Q phải kiếm tiền trả cho bị cáo S, vai trò của các bị cáo Lê Phước H, Trần Văn C và Bành Công H là người giúp sức.

[4] Trong quá trình xem xét quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả gây ra, bị hại có đơn yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; gia đình bị

cáo Võ Thanh S có công cách mạng; vì vậy, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Về nhân thân của các bị cáo: Bị cáo Võ Thanh S, Lê Thanh H, Trần Văn C và Lê Phước H có nhân thân xấu, đã từng bị kết án và được xóa án tích; vì vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét để quyết định hình phạt phù hợp với từng bị cáo.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra thị xã Hoài Nhơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Qua quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi gây thương tích cho anh Nguyễn Vinh Q, anh Q từ chối giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể và có đơn không yêu cầu khởi tố vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Hoài Nhơn không xử lý là đúng theo quy định của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đã thỏa thuận giải quyết xong, không còn yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Chuyển theo hồ sơ vụ án 03 USB chứa đựng các đoạn ghi hình ghi thu của các bị cáo.

[8] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Võ Thanh S, Lê Thanh H, Trần Văn C, Lê Phước H và Bành Công H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 157, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Võ Thanh S và Lê Thanh H;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 157, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn C, Lê Phước H và Bành Công H;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 170, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ vào Điều 55 của Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

+ Xử phạt bị cáo Võ Thanh S 06 (sáu) tháng tù về "Giữ người trái pháp luật" và 06 (sáu) tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản", buộc bị cáo Võ Thanh S phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Lê Thanh H 06 (sáu) tháng tù về "Giữ người trái pháp luật" và 06 (sáu) tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản", buộc bị cáo Lê Thanh H phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Trần Văn C 03 (ba) tháng tù về "Giữ người trái pháp luật" và 03 (ba) tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản", buộc bị cáo Trần Văn C phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Lê Phước H 03 (ba) tháng tù về "Giữ người trái pháp luật" và 03 (ba) tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản", buộc bị cáo Lê Phước H phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Bành Công H 03 (ba) tháng tù về "Giữ người trái pháp luật" và 03 (ba) tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản", buộc bị cáo Bành Công H phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

+ Về trách nhiệm dân sự: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

+ Về xử lý vật chứng: Chuyển theo hồ sơ vụ án 03 USB chứa đựng các đoạn ghi hình ghi thu của các bị cáo.

+ Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Võ Thanh S, Lê Thanh H, Trần Văn C, Lê Phước H và Bành Công H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng sung công quỹ Nhà nước.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- VKSND tỉnh Bình Định;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Cơ quan điều tra Công an thị xã Hoài Nhơn;
- Các bị cáo, bị hại;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngọc Bích